

Số: 1973/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 18 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển tuyến đường dây 22KV nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án Khu lâm viên thành phố Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1230/TTr-TNMT ngày 13/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển tuyến đường dây 22KV nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án Khu lâm viên thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **1.053.508.534 đồng**.
(*Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh tám nghìn năm trăm ba mươi tư đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	1.053.508.534 đồng
+ Chi phí xây dựng:	888.601.130 đồng
+ Chi phí thiết bị:	43.417.987 đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	0 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	94.115.413 đồng
+ Chi phí khác:	27.374.004 đồng
+ Chi phí dự phòng:	0 đồng

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*).

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Tháo dỡ, di chuyển tuyến đường dây 22KV nằm trong phạm vi GPMB xây dựng khu làm việc thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 1973/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5
A	Tổng cộng			1.053.508.534
I	Chi trả cho chủ sở hữu			1.053.508.534
B	Chi tiết			1.053.508.534
1	Công ty điện lực Lai Châu - Điện lực thành phố			
	Địa chỉ: Phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu			
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)			1.053.508.534
	Chi phí tháo dỡ, di chuyển tuyến đường dây 22 kV			1.053.508.534
1	Chi phí xây dựng			888.601.130
2	Chi phí thiết bị			43.417.987
3	Chi phí Quản lý dự án			0
4	Chi phí tư vấn ĐTXD			94.115.413
5	Chi phí khác			27.374.004
6	Chi phí dự phòng			0